

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÙ MỸ  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST*

*Ngày: 24-8-2022*

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Truyền*

*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tiến Dũng và ông Nguyễn Văn Hoà*

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Đức Chính là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa:**  
Ông Hồ Thái Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1295/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1996 (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn TT 3, xã MQ, huyện PM, tỉnh BD.

- Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1991; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TT 3, xã MQ, huyện PM, tỉnh BD.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020 và các biên bản làm việc tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn S tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện PM, tỉnh BD ngày 25/7/2014. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Trần Lê N, sinh ngày 13/10/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Trần Văn S biết được Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ kiện ly hôn của vợ chồng; được Tòa án tiến hành cấp, tông đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án, nhưng anh Trần Văn S lần tránh khai báo, không có văn bản ý kiến về việc Tòa án thụ lý vụ kiện gửi đến Tòa án; cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tại phiên tòa anh Trần Văn S vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

\* Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

Quan điểm về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Văn S; về con chung: Giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không xét; về án phí: Chị L phải chịu theo quy định của luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Trần Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn S. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn S có địa chỉ thường trú tại thôn TT 3, xã MQ, huyện PM, tỉnh BD nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Trần Văn S vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị L theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn S tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện PM, tỉnh BD

ngày 25/7/2014 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên vợ chồng hay mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn S cố tình lẫn tránh, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ anh S không còn tha thiết với cuộc hôn nhân này, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu có duy trì, bảo vệ hạnh phúc của chị L, anh S chắc chắn không mang lại kết quả. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Văn S.

- *Về nuôi con*: Chị L và anh S có 01 con chung tên Trần Lệ N, sinh ngày 13/10/2014. Hiện nay cháu N do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con và nguyện vọng của cháu N muốn được ở với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Lệ N, sinh ngày 13/10/2014 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản*: Chị Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 ( Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Văn S.
2. *Về nuôi con*: Giao con chung tên Trần Lệ N, sinh ngày 13/10/2014 cho chị Trần Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn anh S con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con của chị L. Khi cần thiết chị L, anh S có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về chia tài sản*: Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu số 0008480 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Mỹ.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND H.Phù Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quang;
- Lưu VP- HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Truyền**